

Số: /BC-SLĐTBXH

Hậu Giang, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

Đánh giá thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2020 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Để có đủ cơ sở tham mưu xây dựng Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo đánh giá việc triển khai chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013, cụ thể như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG THỜI GIAN QUA

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách để thúc đẩy công tác an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, tập trung huy động mọi nguồn lực thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước. Đồng thời huy động nguồn lực chăm lo cho các đối tượng yếu thế trong xã hội, nhất là trẻ em mồ côi, người cao tuổi, người khuyết tật, hộ nghèo, hộ cận nghèo... góp phần đảm bảo công tác an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững. Trong đó, một số chính sách định hướng được Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương ban hành làm cơ sở cho địa phương định hướng và cụ thể hóa các chính sách cho công tác an sinh xã hội như:

- Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009 của Quốc hội;
- Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội;
- Nghị quyết số 15-NQ-TW ngày 01/6/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020;
- Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi;

- Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;
- Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

II. ĐÁNH GIÁ VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn, triển khai thực hiện chính sách pháp luật về trợ giúp xã hội

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã triển khai, thực hiện các nội dung sau:

- Phối hợp các sở, ban, ngành đoàn thể và UBND các cấp thực hiện công tác tuyên truyền nhằm giúp người dân hiểu được các chính sách về trợ giúp xã hội thông qua nhiều hình thức: đăng thông tin trên Báo Hậu Giang, Cổng thông tin điện tử của sở, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh; phát trên hệ thống loa truyền thanh cấp huyện, cấp xã; thông qua các cuộc họp, hội nghị... Ngoài ra, còn in tài liệu tuyên truyền, các văn bản về chế độ, chính sách bảo trợ xã hội, gửi đến cán bộ làm công tác Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, cấp xã, các trưởng ấp, cán bộ hội, đoàn thể cấp xã... để biết, thực hiện, giám sát thực hiện chính sách.

- Ban hành các văn bản triển khai, hướng dẫn về công tác trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh, phối hợp với các ngành và địa phương triển khai chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng qua hệ thống bưu điện trên địa bàn tỉnh, nhằm đảm bảo thực hiện chính sách trợ giúp kịp thời, đúng đối tượng.

- Thường xuyên tiến hành kiểm tra tình hình triển khai thực hiện chính sách trợ giúp đối với đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng nhằm kịp thời chấn chỉnh những sai sót, hạn chế; tổng hợp đề xuất những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của các địa phương về tổ chức thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội.

- Thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về trợ giúp xã hội; thường xuyên tập huấn cán bộ; kiểm tra, giám sát từ đó nhận thức của các ngành, các cấp và cộng đồng xã hội được nâng lên.

2. Kết quả thực hiện chính sách trợ giúp xã hội

2.1. Trợ giúp xã hội tại cộng đồng và nuôi dưỡng, chăm sóc tại các cơ sở bảo trợ xã hội

- Hiện nay mức chuẩn trợ cấp, trợ giúp xã hội của tỉnh Hậu Giang là 270.000 đồng/tháng theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

- Năm 2016 tổng số đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng là 25.600 đối tượng, với kinh phí trên 108.000 triệu đồng, đến cuối năm 2020 toàn tỉnh đã thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng cho 32.593 đối tượng, với kinh phí thực hiện trên 147.280 triệu đồng. Trong đó: trợ cấp xã hội hàng tháng cho 27.626 đối tượng, kinh phí thực hiện 131.580 triệu đồng, nhận nuôi dưỡng chăm sóc tại cộng đồng 4.967 đối tượng, kinh phí thực hiện trên 15.700 triệu đồng;

- Nuôi dưỡng đối tượng tại cơ sở bảo trợ xã hội công lập 216 đối tượng, kinh phí thực hiện trên 2.830 triệu đồng;

- Hỗ trợ chi phí mai táng cho 2.091 trường hợp, kinh phí thực hiện 11.291,4 triệu đồng.

- Mua thẻ bảo hiểm y tế cho 25.357 đối tượng, kinh phí thực hiện trên 19.537 triệu đồng.

2.2. Chính sách đối với Người cao tuổi

- Trong năm 2021, thực hiện chúc thọ, mừng thọ 11.995 người cao tuổi tròn 70, 75, 80, 85, 90, 95, 100 và trên 100 tuổi nhân dịp tết Nguyên đán 2021, Ngày người cao tuổi Việt Nam (6/6), sinh nhật người cao (trong đó: có 759 người cao tuổi tròn 90 tuổi; 51 người cao tuổi tròn 100 tuổi), tổng kinh phí thực hiện gần 4.000 triệu đồng

- Đến nay, toàn tỉnh thực hiện trợ cấp thường xuyên cho 12.841 người cao tuổi theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ, với kinh phí thực hiện khoảng 4.000 triệu đồng/tháng, trong đó có 362 người cao tuổi không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng (*gọi tắt người cao tuổi cô đơn*).

2.3. Chính sách đối với Người khuyết tật

Tính tới thời điểm hiện nay, tỉnh Hậu Giang có 15.681 người khuyết tật đang hưởng trợ cấp cộng đồng; (trong đó có 5.043 đối tượng khuyết tật đặc biệt nặng, 10.838 đối tượng khuyết tật nặng) và có 5.277 người nhận kinh phí chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng. Trung tâm công tác xã hội tỉnh đang chăm sóc và nuôi dưỡng 232 đối tượng Người khuyết tật đặc biệt nặng (khuyết tật thần kinh, tâm thần) và người lang thang xin ăn.

2.4. Hỗ trợ đột xuất

Tỉnh luôn quan tâm trợ giúp đột xuất kịp thời cho các trường hợp bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn và các lý do bất khả kháng khác để bảo đảm đời sống người dân, không để người dân nào bị đói, không có người dân nào không có nhà ở. Riêng trong năm 2020, toàn tỉnh có 230 trường hợp cá nhân, hộ gia đình cần trợ giúp khẩn cấp, tỉnh đã trợ giúp kịp thời 230 trường hợp (đạt tỷ lệ 100%), kinh phí 1.699 triệu đồng.

3. Đánh giá về chính sách

3.1. Thuận lợi

- Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, UBNDTTQVN tỉnh và sự phối hợp thực hiện của các sở, ban ngành liên quan trong chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện chính sách trợ giúp xã hội; có sự phân công, phân cấp rõ ràng, đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ hơn, cộng đồng có trách nhiệm trong ban hành chính sách, hướng dẫn, bố trí nguồn lực, kiểm tra, giám sát và đánh giá, nhất là ở địa phương, cơ sở, để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, xử lý kịp thời các sai sót và phát sinh mới.

- Từ cấp huyện, cấp xã đã tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như: hàng năm rà soát, nắm đối tượng cần trợ giúp xã hội trên địa bàn; công tác xác định đối tượng và hướng dẫn xác định đối tượng trợ giúp xã hội dân chủ, công khai, minh bạch hơn, huy động được đại diện nhiều cơ quan, tổ chức, đoàn thể tham gia; đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức huy động nguồn lực; nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách và chương trình trợ giúp xã hội; tuyên truyền nâng cao nhận thức; giám sát và đánh giá. Một số địa phương tích cực chủ động huy động nguồn lực xã hội hóa để trợ giúp kịp thời trường hợp cần trợ giúp đột xuất như: người chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn; tai nạn giao thông, tai nạn lao động đặc biệt nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng khác ... ngoài kinh phí quy định tại Nghị định 136/2013/NĐ-CP.

- Nhiều mô hình trợ giúp xã hội trong chăm sóc trẻ em, người khuyết tật, trợ giúp người cao tuổi do các địa phương thực hiện. Các tổ chức đoàn thể, xã hội cũng có nhiều chương trình xã hội nhân đạo, từ thiện trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội như chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng; chương trình giáo dục chuyên biệt, hoà nhập; chương trình trợ giúp người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng; chương trình hỗ trợ xe lăn, xe lắc...

- Trợ giúp xã hội đã góp phần quan trọng vào việc ổn định đời sống và hòa nhập cộng đồng cho hầu hết số đối tượng trợ giúp xã hội, đã giúp họ giảm bớt khó khăn và tự tin hơn trong cuộc sống.

3.2. Khó khăn, vướng mắc

- Trong những qua, Chính phủ đã nhiều lần nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội, gần nhất là theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP, mức chuẩn trợ cấp xã hội là 270.000 đồng/tháng, tuy nhiên vẫn còn thấp so với mặt bằng chung của xã hội, chỉ tương đương với 25kg gạo, bằng 20% mức lương cơ sở, chưa đáp ứng được nhu cầu cơ bản của đối tượng. Các chế độ, chính sách mới chỉ bảo đảm hỗ trợ được một phần các nhu cầu thiết yếu tối thiểu của đối tượng. Trong khi đó, từ năm 2013 đến nay mức lương cơ sở đã được điều chỉnh 4 lần; chuẩn nghèo thu nhập giai đoạn 2011-2015 là 400.000 đồng đối với khu vực nông thôn, 500.000 đồng đối với khu vực thành thị; giai đoạn 2016-2020 là 700.000 đồng đối với khu vực nông thôn và 900.000 đồng đối với khu vực thành thị.

- Cán bộ phụ trách công tác bảo trợ xã hội, nhất là ở cấp xã có nhiều thay đổi, đồng thời phải kiêm nhiệm quá nhiều công việc (Chuyên viên của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách ít nhất từ 02 lĩnh vực trở lên, có

nơi phụ trách gần 2/3 nhiệm vụ chuyên môn của Phòng; Công chức cấp xã phụ trách gần như hoàn toàn nhiệm vụ của Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội) dẫn đến công tác rà soát, xét duyệt, quản lý đối tượng bảo trợ xã hội, thẩm định hồ sơ, quản lý việc thực hiện chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội ở một số địa phương còn để sai, sót. Đặc biệt là công tác xác định mức độ khuyết tật, công tác xét duyệt trợ giúp xã hội, công tác quản lý tình hình biến động của đối tượng để kịp thời tham mưu UBND cấp huyện quyết định thực hiện/điều chỉnh/thôi trợ cấp tại một số địa phương có lúc còn chưa chính xác, kịp thời.

- Loại hình cơ sở trợ giúp xã hội, quy mô tiếp nhận chăm sóc còn ít, nên các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội, có nhu cầu vào sống trong các cơ sở trợ giúp xã hội nhưng chưa được tiếp nhận (trừ các đối tượng người khuyết tật thần kinh, tâm thần; người lang thang xin ăn; trẻ em từ 06 đến dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng).

- Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã một số đơn vị còn lúng túng trong xác định dạng khuyết tật, mức độ khuyết tật cho người khuyết tật, bên cạnh đó, một số địa phương còn chưa quan tâm bố trí kinh phí cho hoạt động này, nhất là kinh phí đưa các trường hợp Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã không xác định được phải chuyển lên Hội đồng Giám định y khoa tỉnh thực hiện. Từ đó, ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện các chính sách trợ giúp cho người khuyết tật.

III. Đề xuất, kiến nghị

1. Lý do đề xuất

- Căn cứ Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, quy định: *Tùy thuộc điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định “Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn bảo đảm không thấp hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này”*

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội bằng mức tối thiểu theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

- Mặc dù hiện nay giá tiêu dùng, dịch vụ ngày càng tăng, xã hội ngày càng phát triển, mức sống của người dân được nâng lên, thu nhập bình quân đầu người của tỉnh năm 2020 là 3.974 nghìn đồng/tháng. Thực tế cho thấy người có hoàn cảnh khó khăn là đối tượng yếu thế còn chịu nhiều thiệt thòi trong cuộc sống vì họ có thu nhập thấp hoặc không tạo ra thu nhập mà phải sống phụ thuộc vào người khác, điều kiện sống khó khăn, đôi khi ít có điều kiện tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, mức trợ giúp xã hội được nâng lên sẽ giúp cho các đối tượng bảo trợ xã hội tiếp cận dịch vụ xã hội càng thuận lợi hơn. Tuy nhiên, hiện

nay ngân sách tỉnh chưa đảm bảo nguồn lực bố trí cho trợ giúp xã hội, nhất là trong tình hình dịch bệnh Covid - 19 hiện nay đang diễn biến phức tạp.

- Vì vậy, việc đề xuất mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội bằng với mức tối thiểu theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP trong tình hình hiện nay là phù hợp, nhằm kịp thời và đảm bảo quyền, lợi ích tốt nhất cho người có hoàn cảnh khó khăn, đáp ứng các mục tiêu về việc bảo đảm an sinh xã hội đối với người dân mà Đảng và Nhà nước đặt ra.

2. Nội dung đề xuất

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đối với đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2020 của Chính phủ và các đối tượng khác do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định, cụ thể như sau:

a. Mức chuẩn trợ giúp xã hội là: 360.000 đồng/tháng.

b. Mức trợ giúp xã hội thực hiện bằng mức tối thiểu quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Trên đây là báo cáo đánh giá việc triển khai chính sách trợ giúp xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Hậu Giang./.

Nơi nhận:

- VP UBND tỉnh;
- Ban VH-XH, Ban KT-NS, HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- BGĐ Sở;
- Lưu: VT, BTXHTE&BDG (09).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Võ Phú Cường